

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ**

Số: 09/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đak Pơ, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11 về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Tư về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND, ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016 -2020, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện là: 79,620 tỷ đồng. (Gồm: Đầu tư cơ sở hạ tầng là: 67,816 tỷ đồng; đầu tư cho khoa học công nghệ là: 2,500 tỷ đồng; chuẩn bị đầu tư: 4,571 tỷ đồng; dự phòng: 4,733 tỷ đồng).

Trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 12,000 tỷ đồng.
- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp: 49,500 tỷ đồng.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: 18,120 tỷ đồng.

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Tư về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ khóa III, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - ĐT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các cơ quan Tỉnh, TW trên địa bàn huyện;
- Các cơ quan, ban ngành đoàn thể huyện;
- VP Huyện ủy; VP. HĐND&UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Đài TT – TH huyện; Công TTĐT huyện (công bố);
- Lưu: VT, đ/c Hương.

(b/cáo)



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của HĐND huyện Đak Pơ)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện				Nội dung điều chỉnh				Ghi chú	
	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Tổng mức đầu tư
I	8	9	10	11	12	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG			80.272,0	78.880,0	TỔNG CỘNG			81.012,0	79.620,0
I	Giao thông			18.594,8	18.412,0	Giao thông			18.594,8	18.412,0
1	Đường khu quy hoạch dân cư trước Trường THPT Y Đôn	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 200 dày 200; Bn=5m; Bm=3m; chiều dài L=673m.	2016	1.620,0	1.600,0	Đường khu quy hoạch dân cư trước Trường THPT Y Đôn	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 200 dày 200; Bn=5m; Bm=3m; chiều dài L=673m.	2016	1.620,0	1.600,0
2	Đường số 17 - Đoạn từ đường số 3 đến đường vào làng Giêk 1 (Đường Võ Nguyên Giáp)	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 20cm; Bn=7m; Bm=5m; chiều dài L=1.010m.	2019-2020	2.860,0	2.860,0	Đường số 17 - Đoạn từ đường số 3 đến đường vào làng Giêk 1 (Đường Võ Nguyên Giáp)	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 20cm; Bn=7m; Bm=5m; chiều dài L=1.010m.	2019-2020	2.860,0	2.860,0
3	Đường số 21	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=1.182m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	3.690,0	3.690,0	Đường số 21	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=1.182m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	3.690,0	3.690,0
4	Đường số 22	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=995m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2019	2.995,0	2.995,0	Đường số 22	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=995m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2019	2.995,0	2.995,0
5	Đường số 5 nội dài (Đường Phạm Văn Đồng)	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=855m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	2.679,0	2.679,0	Đường số 5 nội dài (Đường Phạm Văn Đồng)	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=855m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	2.679,0	2.679,0
6	Đường trước Đền tướng niệm và Tương dài chiến thắng Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến, L=663,95m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	1.117,5	1.016,0	Đường trước Đền tướng niệm và Tương dài chiến thắng Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến, L=663,95m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	1.117,5	1.016,0
7	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An (02 giai đoạn)	Tổng chiều dài tuyến, L=1.613m, nền đường Bn=5m, mặt đường cấp phối đất đồi chọn lọc, Bm=5m	2017-2019	2.950,0	2.950,0	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An (02 giai đoạn)	Tổng chiều dài tuyến, L=1.613m, nền đường Bn=5m, mặt đường cấp phối đất đồi chọn lọc, Bm=5m	2017-2019	2.950,0	2.950,0
8	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Tổng chiều dài tuyến, L=364,5m, nền đường Bn=5m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	683,3	622,0	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Tổng chiều dài tuyến, L=364,5m, nền đường Bn=5m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	683,3	622,0
II	Giáo dục và Đào tạo			33.165,8	32.651,0	Giáo dục và Đào tạo			33.165,8	32.651,0
1	Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	- Nhà đa năng: Cấp III, nhà 01 tầng, DTXD 518m ² . - Nhà bếp, nhà ăn: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 188m ² . - Nhà ở bán trú 5 phòng: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 125m ² . - Kê đá + sân bê tông với diện tích 938m ² . - Sửa chữa, cải tạo nhà ở giáo viên: DTXD 122m ² .	2016	4.326,0	4.326,0	Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	- Nhà đa năng: Cấp III, nhà 01 tầng, DTXD 518m ² . - Nhà bếp, nhà ăn: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 188m ² . - Nhà ở bán trú 5 phòng: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 125m ² . - Kê đá + sân bê tông với diện tích 938m ² . - Sửa chữa, cải tạo nhà ở giáo viên: DTXD 122m ² .	2016	4.326,0	4.326,0

1340

STT	Nội dung theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện				Nội dung điều chỉnh				Ghi chú		
	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020
2	Trường tiểu học Trần Phú	Nhà đa năng, DTXD: 532m ² , nhà học bộ môn 03 phòng, DTXD: 216m ²	2020	3.800,0	3.800,0	Trường tiểu học Trần Phú	Nhà đa năng, DTXD: 532m ² , nhà học bộ môn 03 phòng, DTXD: 216m ²	2020	3.800,0	3.800,0	
3	Trường tiểu học Đồng Đa	Nhà đa năng, DTXD: 431m ² và các hạng mục phụ	2018	2.500,0	2.500,0	Trường tiểu học Đồng Đa	Nhà đa năng, DTXD: 431m ² và các hạng mục phụ	2018	2.500,0	2.500,0	
4	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà thể thao đa năng, cấp II, 01 tầng, DTXD: 532m ² , các hạng mục phụ	2017	2.888,7	2.627,0	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà thể thao đa năng, cấp II, 01 tầng, DTXD: 532m ² , các hạng mục phụ	2017	2.888,7	2.627,0	
5	Trường tiểu học Trần Quang Khải	Nhà đa năng, DTXD: 523m ² và các hạng mục phụ	2018	3.000,0	3.000,0	Trường tiểu học Trần Quang Khải	Nhà đa năng, DTXD: 523m ² và các hạng mục phụ	2018	3.000,0	3.000,0	
6	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà học 04 phòng; DTXD: 312m ² và các hạng mục phụ	2020	1.720,0	1.548,0	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà học 04 phòng; DTXD: 312m ² và các hạng mục phụ	2020	1.720,0	1.548,0	
7	Trường Trường mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Nhà học 01 phòng, DTXD: 81,55m ² , các hạng mục phụ.	2017	497,1	452,0	Trường Trường mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Nhà học 01 phòng, DTXD: 81,55m ² , các hạng mục phụ.	2017	497,1	452,0	
8	Trường tiểu học Trần Phú	Các hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	2017	404,0	368,0	Trường tiểu học Trần Phú	Các hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	2017	404,0	368,0	
9	Trường mẫu giáo Hoa Mĩ	Nhà giáo dục thể chất, hiệu bộ: cấp IV, 01 tầng, DTXD 155,4m ² , cải tạo nhà ăn + bếp	2019-2020	1.210,0	1.210,0	Trường mẫu giáo Hoa Mĩ	Nhà giáo dục thể chất, hiệu bộ: cấp IV, 01 tầng, DTXD 155,4m ² , cải tạo nhà ăn + bếp	2019-2020	1.210,0	1.210,0	
10	Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ²	2019-2020	910,0	910,0	Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ²	2019-2020	910,0	910,0	
11	Trường mẫu giáo Hoa Mai	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ²	2019-2020	910,0	910,0	Trường mẫu giáo Hoa Mai	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ²	2019-2020	910,0	910,0	
12	Trường TH và THCS Kim Đồng	Nhà học bộ môn	2019-2020	3.000,0	3.000,0	Trường TH và THCS Kim Đồng	Nhà học bộ môn	2019-2020	3.000,0	3.000,0	
13	Trường TH và THCS Lương Thế Vinh	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa	2019-2020	4.000,0	4.000,0	Trường TH và THCS Lương Thế Vinh	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa	2019-2020	4.000,0	4.000,0	
14	Trường TH và THCS Đào Duy Từ	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa, thư viện	2019-2020	4.000,0	4.000,0	Trường TH và THCS Đào Duy Từ	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa, thư viện	2019-2020	4.000,0	4.000,0	
III	Các công trình khác				16.707,4	16.013,0	Các công trình khác				17.447,4
1	Trụ sở xã Ya Hội	- Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 231,6m ² ; - Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 87,75m ² ; - Sân bê tông.	2016	1.950,1	1.950,1	Trụ sở xã Ya Hội	- Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 231,6m ² ; - Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 87,75m ² ; - Sân bê tông.	2016	1.950,1	1.950,1	
2	Trụ sở xã Hà Tam	Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 97,5m ² .	2016	393,2	390,0	Trụ sở xã Hà Tam	Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 97,5m ² .	2016	393,2	390,0	
3	Trụ sở Huyện ủy	Nhà làm việc các Ban Đảng: Cấp III, 02 tầng, DTXD 248,92m ² ; cầu nối và các hạng mục phụ	2016	2.746,9	2.545,0	Trụ sở Huyện ủy	Nhà làm việc các Ban Đảng: Cấp III, 02 tầng, DTXD 248,92m ² ; cầu nối và các hạng mục phụ	2016	2.746,9	2.545,0	